

Bản án số: 104/2024/HSPT
Ngày 27 tháng 02 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Duyên

Ông Hà Huy Cầu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng – Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:* Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 09 tháng 01 năm 2024 và ngày 27 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 922/2023/HSPT ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với Lê Vũ T, do bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2023/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1687/2023/QĐPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/HSPT-QĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Vũ T, sinh năm 1984, tại Vĩnh Long. Nơi thường trú: Số D T, khóm C, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở hiện nay: Số I B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; có vợ: Lê Thị Hồng M (đã ly hôn tháng 15/02/2022) và 02 người con: lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2022 đến ngày 21/01/2023 được tại ngoại cho đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N:

Luật sư ông Nguyễn Văn T3 – Luật sư của Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt)

- *Bị hại:* Võ Khương D, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Thanh C, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số B Đ, Khóm B, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Trần Lưu P, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: số 126 ấp Tân Lộc A, xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

4. Hồng Hoàng H, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: số F, đường H, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Trần Thị Bích T4, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: K Đ, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

6. Lê Hoàng P1, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Lê Thị Hồng M, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: số A Cầu X, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của Lê Thị Hồng M là ông Trần Kim P2, sinh năm 1974. (Có mặt)

Nơi cư trú Số F hẻm F L, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh
(theo văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 7 năm 2023).

- *Người làm chứng:* Nguyễn Văn P3, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 04/2018, bị can Lê Vũ T; sinh năm: 1984 đứng tên thành lập Công ty TNHH T6 (Công ty TNHH một thành viên do cá nhân Lê Vũ T làm chức danh Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty) được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 02/04/2018; địa chỉ trụ sở chính: Số D, ấp T, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Ngành nghề kinh doanh mua bán lúa, gạo.

Do cần vốn kinh doanh nên vào ngày 20/01/2020, T có vay tại Ngân hàng S Chi nhánh V1 số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) khi vay thì có thể chấp giấy 03 Quyền sử dụng đất; tổng diện tích là 12.000,7m²; địa chỉ: ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do Lê Thị Hồng M - sinh năm 1985, nơi cư trú: số A, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vợ của T) đứng tên trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là người bảo lãnh cho T vay. Đến ngày 09/4/2020, T vay

tăng hạn mức thêm 500.000.000 đồng. Tổng cộng T vay hai khoản là 3.500.000.000 đồng.

Trong quá trình kinh doanh bị thua lỗ, nợ tiền người nhưng không có khả năng trả nợ. Khoản vay 03 tỷ đồng vào ngày 20/01/2021 đến thời hạn trả nợ nhưng không có tiền trả Ngân hàng nên T nhờ anh Nguyễn Văn P3 - sinh năm 1982, thường trú: ấp B, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (T và P3 là anh em cô cậu ruột) T nói cho P3 biết có khoản vay Ngân hàng 3 tỷ sắp tới ngày đáo hạn nhưng không có tiền nên T nhờ P3 tìm người để T vay tất toán nhằm tránh nhảy nhóm nợ xấu sau này khó vay vốn kinh doanh. P3 nói sẽ tìm người để giúp T vay tiền đáo hạn. Sau đó, P3 nói với Võ Khương D- sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (bạn với P3) là T cần vay 03 tỷ đáo hạn Ngân hàng khi đáo hạn Ngân hàng thì sẽ trả lại tiền nên D đồng ý. P3 điện thoại nói cho T biết là D đồng ý cho T vay tiền với lãi suất 0,5%/ngày. Vào ngày 08/01/2021, D cho T vay số tiền 03 tỷ đồng để đáo hạn Ngân hàng. Trong ngày 08/01/2021, khi T trả tiền và làm hồ sơ đáo hạn Ngân hàng thì T có trả lại cho D số tiền 03 tỷ đồng còn số tiền lãi 15.000.000 đồng thì T chưa trả cho D.

Sau khi đáo hạn khoản vay xong thì T, P3, D, có anh Lê Thanh C- sinh năm: 1986; địa chỉ: số C, P, Khóm B, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long gặp nhau tại quán cà phê T địa chỉ thuộc Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tiếp tục bàn việc nhờ D đứng tên vay dùm số tiền 05 tỷ đồng nhưng D tiếp tục cho T vay 3,5 tỷ đồng để tất toán khoản vay để lấy tài sản là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang tên cho D, nhờ anh D đứng tên dùm để vay giúp cho T số tiền 05 tỷ đồng ở Ngân hàng S1 để T có tiền trả nợ cho P3 là 750.000.000 đồng; trả lại tiền vay của anh D 3,5 tỷ đồng và tiền lãi, số tiền còn lại T làm vốn kinh doanh. Về phần tài sản của vợ bị can Trường nếu sang tên cho anh D thì phải có văn bản thỏa thuận về việc chỉ đứng tên để vay dùm chứ không được sang bán cho người khác để đảm bảo quyền lợi cho T thì D đồng ý.

Sau khi về nhà Trường điện thoại cho Lê Thị Hồng M- sinh năm 1985, địa chỉ: 1 Cầu X, phường T, quận T, TP ., là vợ của bị can T5 (lúc này chị M đang đi Vũng Tàu), có nói việc nhờ anh D đứng tên vay tiền số tiền 05 tỷ đồng, với thỏa thuận trên và chị M đồng ý.

Đến ngày 10/01/2021 D đồng ý cho T5 vay số tiền 3,5 tỷ đồng, thời hạn vay 15 ngày, để tất toán khoản vay 3,5 tỷ đồng nên P3 và anh D điện thoại kêu T5 về làm thủ tục tất toán khoản vay.

Khoảng 10 giờ, ngày 11/01/2021 T5 điện thoại gặp anh Trần Lưu P; sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (Cán bộ tín dụng Ngân hàng S là người làm hồ sơ cho T5 vay) T5 nói với anh P là sẽ đến tất toán khoản vay 3,5 tỷ đồng và lấy tài sản thế chấp ra không vay tiếp. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày T5 gặp P3, D tại Ngân hàng S Chi nhánh V1. D chuyển tiền vào tài khoản của T5, số tài khoản 070038219721 thuộc hệ thống Ngân hàng S, với tổng số tiền là 3,5 tỷ đồng, lãi suất 0,5%/01 ngày/số tiền vay. Do tài khoản của anh D không đủ hạn mức chuyển tiền trong ngày nên D có đưa tiền mặt và nhờ bà Hồng Hoàng H; sinh năm 1983, địa chỉ: F đường H, Phường E, thành phố V,

tỉnh Vĩnh Long là nhân viên ngân hàng M1 chuyển số tiền 800.000.000đồng; nhờ bà Trần Thị Bích T4; sinh năm 1994, địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, nguyên nhân viên ngân hàng M1 chuyển số tiền 01 tỷ đồng vào tài khoản của T5 số 070038219721. Sau khi nhận được tiền 3,5 tỷ đồng của D thì T5 chuyển số tiền từ tài khoản cá nhân của T5 sang số tài khoản 070087125678 của Công ty. T5 nói với anh P kiểm tra lại tiền vốn, lãi là bao nhiêu để T5 tắt toán khoản vay. P nói với T5 số tiền gốc là 3,5 tỷ đồng, tiền lãi 10.000.000 đồng, tiền thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng. Khi T5 nhận được số tiền 3.560.000.000 đồng lúc này vào khoảng 17 giờ 50 phút anh P cho T5 biết do đã hết giờ hành chính Ngân hàng không còn làm việc, nếu T5 tắt toán trả khoản vay thì Ngân hàng cho tắt toán còn tài sản là 03 quyền sử dụng đất qua ngày hôm sau tức là ngày 12/01/2021 mới nhận được. T5 nói nếu không làm thủ tục rút tài sản thế chấp kịp trong ngày thì T5 chưa trả tiền vay, T5 hẹn với P, D khoảng 08 giờ ngày hôm sau là ngày 12/01/2021 T5 đến Ngân hàng tắt toán khoản vay và rút tài sản thế chấp luôn một lượt.

Khi ra về T5 gặp P3 và hỏi P3 làm văn bản thỏa thuận đứng tên quyền sử dụng đất để vay dùm và có thông báo cho vay của Ngân hàng chưa, thì P3 trả lời chưa, cứ sang tên đi để anh bảo lãnh. Sau đó, T5 có nói cho chị Hồng M biết là D đã chuyển số tiền 3.560.000.000 đồng để tắt toán khoản vay nhưng chưa làm văn bản thỏa thuận đứng tên dùm và chưa có thông báo cho vay của Ngân hàng thì chị Hồng M không đồng ý sang tên 03 Quyền sử dụng đất D. Chị M yêu cầu T5 trả lại số tiền vay 3.560.000.000 đồng cho D không để kéo dài. Khi chị M kêu trả lại tiền thì T5 nói là D đồng ý cho T5 tiếp tục vay số tiền này. T5 nghĩ việc nhờ D đứng tên vay dùm khó thực hiện được, mặt khác đang cần tiền để trả nợ nên T5 nảy sinh ý định sẽ chiếm đoạt số tiền 3.560.000.000 đồng của D và T5 sẽ không đến Ngân hàng tắt toán khoản vay.

Tối ngày 11/01/2021, T5 chuyển số tiền từ tài khoản Công ty sang tài khoản cá nhân. Sau đó, T5 đầu tư số tiền 200.000.000 đồng vào trang quảng cáo trên mạng xã hội có tên “*Đầu tư siêu lợi nhuận*” do người nói giọng Miền B giới thiệu nên T5 chuyển tiền đầu tư vào 02 (hai) số tài khoản sau:

- Chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 15699737 mang tên Lê Thị H1.
- Chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 13910497 mang tên Trần Công V.
- Đến sáng ngày 12/01/2021, T5 đi đến Ngân hàng A, Thành phố Hồ Chí Minh rút số tiền mặt 03 tỷ đồng.

Khoảng 08 giờ ngày 12/01/2021, D đến Ngân hàng S đợi T5 đến tắt toán khoản vay nhưng T5 không đến. D gọi điện thoại cho T5 nhiều lần nhưng T5 không nghe máy, D gọi cho P3 để nói cho P3 biết là T5 không đến Ngân hàng tắt toán khoản vay. P3 gọi cho T5 nhiều cuộc gọi nhưng T5 không nghe máy.

Đến khoảng 09 giờ, D và P3 tiếp tục gọi cho T5 nhiều lần thì T5 nghe điện thoại và nói dối là đang bị người ta dí đòi nợ nên không về tắt toán được,

nhưng sau đó thì T5 thừa nhận với anh D, P3 là lỡ xài tiền của D hết rồi, để T5 đi làm gửi trả lại sau và phụ tiền lãi thì D và P3 không đồng ý và yêu cầu T5 phải trả lại tiền nhưng T5 không trả. Khi D và P3 yêu cầu T5 trả lại số tiền vay thì lúc này T5 chỉ mới có sử dụng 200.000.000 đồng để đầu tư trên trang mạng nhưng T5 dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của D.

Ngày 12/01/2021, T5 chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào tài khoản của Lê Thị Hồng M. T5 tiếp tục chuyển tiền vào trang mạng “*Đầu tư siêu lợi nhuận*” nên chuyển 150.000.000 đồng vào số tài khoản mang tên Trần Công V; chuyển 135.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Lê Thị H1.

D yêu cầu T5 phải trả lại số tiền 3.560.000.000 đồng nhưng không trả mà chiếm đoạt số tiền này. D và P3 điện thoại cho T5 nhiều lần yêu cầu phải trả lại tiền cho D nên ngày 12/01/2021 và ngày 13/01/2021 T5 có chuyển trả lại cho D số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

* Đối với chị Lê Thị Hồng M trước khi T5 vay tiền của D để tắt toán khoản vay Ngân hàng thì có nói với chị M là T5 có hỏi D vay số tiền 3,5 tỷ đồng để tắt toán, lấy tài sản 03 QSDĐ ra sang tên cho D để nhờ D vay tiền ở Ngân hàng khác số tiền 05 tỷ đồng để có tiền trả cho anh P3; trả lại 3,5 tỷ tiền vay của D, số tiền còn lại dùng làm vốn kinh doanh thì M đồng ý. Sau khi D chuyển tiền 3.560.000.000 đồng cho T5 vay để tắt toán thì T5 có điện thoại cho M biết. T5 nói là chưa có văn bản thỏa thuận D đứng tên dùm nên chị M yêu cầu T5 trả lại liền số tiền vay cho D nhưng T5 nói với chị M là số tiền 3.560.000.000 đồng D đồng ý cho T5 tiếp tục vay nên M không biết. Việc T5 nói dối với chị M là D tiếp tục cho vay tiếp nên chị M tin tưởng và chị M cũng không biết T5 có ý định chiếm đoạt số tiền của D; chị M không có bàn bạc với T5 để chiếm đoạt tiền của D nên hành vi của M không đồng phạm với T5. Đối với số tiền vào ngày 12/01/2021 T5 chuyển tiền vào tài khoản của chị M 3.000.000 đồng để chi xài trong gia đình thì M không biết số tiền này do T5 phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh V không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị Hồng M là có căn cứ.

* Đối với anh Nguyễn Văn P3 là anh em cô cậu ruột với T5. P3 là bạn của Võ Khương D, P3 là người giới thiệu D cho T5 quen biết để vay tiền của D đáo hạn khoản vay 03 tỷ đồng vào ngày 08/01/2021 và vay để tắt toán khoản vay 3,5 tỷ đồng vào ngày 11/01/2021. Việc giới thiệu T5 vay tiền của D thì anh P3 và T5 không có bàn bạc gì để T5 chiếm đoạt tiền của D. Việc D đồng ý cho T5 vay tiền để tắt toán khoản vay 3,5 tỷ thì D đứng tên vay dùm T5 số tiền 05 tỷ đồng thì T5 có tiền để trả nợ cho P3 số tiền 750.000.000 đồng do T5 nợ P3 trước đó. Sau khi, T5 nhận được tiền vay của D thì T5 mới nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền của D và sau khi T5 không đến Ngân hàng tắt toán khoản vay vào ngày 12/01/2021 và khi T5 đưa ra những thông tin gian dối là đang bị người ta dí đòi nợ nên không về tắt toán được, nhưng sau đó thì P3 thừa nhận P3 xài tiền hết của D rồi nên P3 không đồng ý và yêu cầu T5 phải trả lại tiền cho D. Nên hành vi của Võ Văn P4 không đồng phạm với Lê Vũ T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với Võ Văn P4 là có căn cứ.

* Đối với Võ Khương D là người cho T vay tiền để đáo hạn Ngân hàng với lãi suất là 0,5%/ngày để T đáo hạn Ngân hàng (tương đương 15%/tháng; 180%/năm). Tuy nhiên, khi cho T vay 03 tỷ đồng (ngày 08/01/2021) khi đáo hạn Ngân hàng thì T chỉ trả gốc, không đưa tiền lãi cho D số tiền 15.000.000 đồng. Đối với khoản vay 3.560.000.000 đồng (ngày 11/01/2021) sau khi nhận số tiền này thì T đã chiếm đoạt của D. Nên không xác định được số tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay nên chưa đủ cơ sở để xác định D có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V không đề cập xử lý đối với hành vi của Võ Khương D là có căn cứ.

Qua kết quả làm việc thì anh Trần Công V và chị Lê Thị H1 trình bày là từ trước đến nay không có quen biết ai tên Lê Vũ T và chưa bao giờ gặp mặt và chưa bao giờ thực hiện việc chuyển tiền (Bút lục: 679-684).

Quá trình điều tra đến nay Lê Vũ T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là sau khi D chuyển tiền cho T thì tối ngày 11/01/2021 do cần tiền trả nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền của D. Việc chiếm đoạt số tiền của D thì chỉ một mình T thực hiện không có bàn bạc với ai (Bút lục: 01, 09, 145-148; 386-438; 507-526; 550- 555; 571-805; 806-811).

* Số tiền chiếm đoạt Lê Vũ T khai sử dụng như sau:

- Đầu tư tài chính trên mạng xã hội có tên “*Đầu tư siêu lợi nhuận*” nên T đã chuyển tiền vào 02 số tài khoản.

+ Tài khoản số 13910497 tên Trần Công V 02 lần vào ngày 11/01/2021 và ngày 12/01/2021 tổng số tiền 235.000.000 đồng.

+ Tài khoản số 15699737 tên Lê Thị H1 02 lần vào 11/01/2021 và ngày 12/01/2021 tổng số tiền 250.000.000 đồng.

- Vào ngày 12/01/2021 T chuyển cho chị Lê Thị Hồng M số tiền 3.000.000 đồng.

- Vào ngày 12/01/2021 và ngày 13/01/2021 T đã chuyển trả lại cho D 500.000.000 đồng.

- Trả nợ cho chị Lê Thị Hồng N2- sinh năm 1977, ngụ: số A ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (chị vợ của T), số tiền 500.000.000 đồng.

Kết quả xác minh thì chị N2 trình bày vào năm 2021 T có mượn chị 500.000.000 đồng khi T trả tiền thì chị không biết đây là tiền phạm tội mà có (Bút lục: 443-447; 484- 495; 763-766).

* Các đồ vật, tài liệu thu giữ của bị can gồm:

- 01 (một) điện thoại di động Samsung màu đen, số sim đang sử dụng 02 sim số 0907622037 và 0976085108.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu tím, số IMEI 1: 8666376048760034; số IMEI 2: 866376048760026, có gắn sim số 0909488134.

- 01 (một) thẻ Visa –Ngân hàng A mang tên Lê Vũ T, số thẻ 436599900025.

- 01 (một) thẻ thanh toán P5.

Các đồ vật tài liệu này không liên quan đến vụ án nên vào ngày 08/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V tiến hành trả lại cho chị Lê Thị Hồng M nhận lại các đồ vật trên để quản lý theo yêu cầu của T.

- 02 (hai) vi bằng, số 30/2022/VB-TPVL và số 30/2022/VB-TPVL, lập cùng ngày 07/9/2022 do Văn phòng thừa phát lại lập theo yêu cầu của Lê Vũ T. Cơ quan điều tra đưa vào hồ sơ vụ án (Bút lục: 180- 206).

* Về trách nhiệm hình sự, dân sự:

- Về trách nhiệm hình sự: Võ Khương D làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Lê Vũ T.

- Về trách nhiệm dân sự: Vào ngày 01/11/2022 anh Lê Hoàng P1 đến Cơ quan điều tra nộp số tiền 3.060.000.000 đồng vào tài khoản để khắc phục hậu quả số tiền chiếm đoạt cho Lê Vũ T để trả lại cho D. Vào ngày 04/11/2022 Cơ quan điều tra tiến hành giao số tiền này lại cho Võ Khương D đã nhận số tiền này đã giải quyết xong nên không đặt ra xem xét.

Tại Cáo trạng số: 21/CT-VKS-P1, ngày 20/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, truy tố để xét xử bị cáo Lê Vũ T, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2023/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Vũ T phạm vào tội: “*Lạm dụng chiếm đoạt tài sản*”

Căn cứ vào khoản 3 Điều 175, điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Vũ T 05 (năm) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được trừ đi tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2022 đến ngày 21/01/2023.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu của bị hại Võ Khương D. Buộc bị cáo Lê Vũ T trả cho anh Võ Khương D số tiền lãi là 734.400.000đ (bảy trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 08/10/2023 bị cáo Lê Vũ T bị cáo kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lê Vũ T thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua tranh luận tại phiên toà, tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình như án sơ thẩm quy kết và xử phạt, sau khi án sơ thẩm xử phạt, bị cáo kháng cáo kêu oan và tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó có thể thấy bản án sơ thẩm số 40/2023/HSST ngày 28/9/2023 của toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xử phạt bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội và không oan sai, xử bị cáo mức án 05 năm tù là phù hợp. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết gì mới, do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ y bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Văn T3 trình bày: Theo lời diễn giải của Viện kiểm sát thì toà án cấp sơ thẩm đã xử phạt đúng người đúng tội. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay, bị cáo cũng đã đưa ra những tình tiết giảm nhẹ mới như cậu của ba bị cáo có Huân chương kháng chiến, đồng thời bị cáo cũng đã trả hết số tiền cho người bị hại. Thứ ba về vấn đề cho vay nặng lãi thì hai bên đã thoả thuận lãi suất là 5%/ngày và đồng thời số tiền này bị hại cho vay nặng lãi mà tính tiền lãi là không phù hợp theo quy định pháp luật. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về vấn đề lãi.

Xét bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có công cách mạng, bị cáo đã ăn năn hối cải, đồng thời bị cáo đã khắc phục hậu quả mình gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của bị cáo Lê Vũ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo của bị cáo Lê Vũ T: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định. Do đó, đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thay đổi yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt thay vì kêu oan.

Bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ muốn có tiền để trả nợ vay ngân hàng đúng hạn không phải chuyển sang nhóm nợ xấu; công ty của bị cáo sẽ gặp khó khăn trong việc vay vốn tại ngân hàng. Ngày 11/01/2021, sau khi anh D chuyển đủ số tiền 3.560.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo, lý ra bị cáo chuyển số tiền để tất toán khoản vay của Công ty, nhưng do hết giờ giao dịch của Ngân hàng, anh P1 – nhân viên của Ngân hàng S sẵn sàng hỗ trợ bị cáo trong việc trả tiền vay, còn việc giải chấp tài sản đảm bảo sẽ được giao trả vào ngày hôm sau. Tuy nhiên,

qua ngày 12/01/2021 bị cáo không đến trả tiền vay cho Ngân hàng mà bị cáo dùng tiền đầu tư vào trang “*Đầu tư siêu lợi nhuận*”. Đây là hoạt động kinh doanh không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nên đủ cơ sở xác định bị cáo chiếm đoạt số tiền 485.000.000 đồng của anh D. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm các quan hệ pháp luật được Bộ luật Hình sự bảo vệ, cụ thể là không những xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân về tài sản, làm mất an ninh, trật tự địa phương, gây ảnh hưởng xấu trong quần chúng nhân dân, mà nhất là những người dân khi tham gia giao dịch dân sự liên quan đến cho vay mượn tiền nhằm giúp đỡ lẫn nhau trong việc sản xuất kinh doanh, cải thiện cuộc sống.

[4] Khi quyết định hình phạt Tòa sơ thẩm có xem xét các tình tiết: Trong quá trình điều tra bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại; bị cáo xuất thân từ gia đình có truyền thống Cách mạng, bị cáo phạm tội trong thời gian bùng phát dịch Covid – 19 việc sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn. Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo trên Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo mức án 05 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ gì mới. Do vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo về phần Dân sự - bồi thường thiệt hại:

Mặc dù Viện kiểm sát truy tố toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt là 3.560.000.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định bị cáo có hành vi phạm tội, chiếm đoạt là 480.000.000 đồng và xét xử bị cáo theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự. Sau khi xét xử xong Viện kiểm sát không kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm xác định việc xét xử của cấp sơ thẩm là có căn cứ và không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết phần dân sự của vụ án trong bản án hình sự sơ thẩm là không đúng. Hơn nữa trước khi xét xử giữa bị cáo và bị hại đã thanh toán toàn bộ số tiền nợ của bị hại 3.060.000.000 đồng cho nhau. Do vậy việc bản án sơ thẩm quyết định tiếp tục giải quyết (tính lãi) phần dân sự trong vụ án này là vượt quá phạm vi xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu

tính lãi của ông Võ Khương D. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo đối với phần lãi này.

[6] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Vũ T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Vũ T về phần hình phạt, chấp nhận kháng cáo về phần dân sự. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 40/2023/HSST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long về phần dân sự.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Vũ T phạm vào tội: “*Lạm dụng chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38, của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Vũ T** 05 (năm) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt, nhưng được trừ đi tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2022 đến ngày 21/01/2023.

2. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Võ Khương D đối với số tiền 3.060.000.000 đồng.

Bị hại và bị cáo nếu có tranh chấp phần dân sự sẽ khởi kiện lại bằng vụ án dân sự khác.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lê Vũ T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1)
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh (1)
- TAND tỉnh Vĩnh Long(1);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long(1);
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long(1);
- CA tỉnh Vĩnh Long(1);
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long(1);
- Bc TN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu (5). 15b (TMH).

Huỳnh Thanh Duyên